

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 8997/QĐ-T01-GDNN ngày 08/10/2025 của Học viện An ninh nhân dân về việc phê duyệt giá khởi điểm bán đấu giá xe ô tô thanh lý của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học thuộc Học viện An ninh nhân dân.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học thuộc Học viện An ninh nhân dân thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản với các nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ tổ chức có tài sản đấu giá: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học thuộc Học viện An ninh nhân dân

Địa chỉ: 119 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội

2. Tên tài sản đấu giá, giá khởi điểm: Xe ô tô hết khấu hao thanh lý theo quy định (Chi tiết theo danh mục đính kèm)

Giá khởi điểm: 412.705.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm linh năm nghìn đồng)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá (Có ảnh hiện trạng đính kèm hồ sơ đăng ký, có hợp đồng thuê nhà hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản, danh sách máy móc thiết bị đấu giá kèm theo ảnh).

- Có phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Trong phương án thể hiện được địa điểm bán hồ sơ tại Trung tâm; Có văn bản báo cáo cập nhật hồ sơ tham gia đấu giá thường xuyên; Địa điểm tổ chức đấu giá tại nơi có tài sản đưa ra đấu giá; Phương án bảo mật thông tin đấu giá; Phương án bảo đảm an toàn trong cuộc đấu giá, bảo vệ vòng trong, vòng ngoài của phiên đấu giá, cách thức kiểm tra điều kiện của người tham gia đấu giá)

- Có năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản (Ưu tiên tổ chức đấu giá đã thực hiện đấu giá tài sản thanh lý trên phạm vi cả nước, có Hợp đồng đấu giá bản công chứng kèm theo hồ sơ đăng ký).

- Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp (Mức phí đấu giá đã bao gồm tiền đăng thông tin đấu giá trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Bộ Tài Chính, tiền đăng báo, tiền trang trí hội trường phiên đấu giá, các chi phí in ấn hồ sơ, tài liệu, chi phí tổ chức bán hồ sơ, đi lại và lưu trú ...).

- Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá do Bộ Tư pháp công bố.

- Có bảng tự chấm điểm các tiêu chí đấu giá do Bộ Tư pháp quy định.

- Tiêu chí do người có tài sản quy định:

- Các tiêu chí phù hợp khác theo Phụ lục 01, Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

4. Hồ sơ gồm có:

- Hồ sơ pháp lý doanh nghiệp (*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mẫu con dấu, mã số thuế doanh nghiệp, thẻ đấu giá viên yêu cầu bản sao công chứng, chứng thực yêu cầu không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ*).

- Bản mô tả năng lực kinh nghiệm.

- Thư chào giá dịch vụ đấu giá (đã bao gồm chi phí đăng thông tin quảng cáo, chi phí tổ chức cuộc đấu giá).

- Danh sách các Doanh nghiệp đủ điều kiện đấu giá năm 2025.

6. Thời gian, địa chỉ nộp hồ sơ.

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Từ ngày thông báo đến hết 16h00 ngày 17/10/2025 (*Nộp hồ sơ trong giờ làm việc*).

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học, địa chỉ: 119 Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội; Điện thoại liên hệ: 069.234.8601.

Lưu ý: Hồ sơ nộp trực tiếp, người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu và giấy tờ tùy thân để nộp hồ sơ.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học sẽ có văn bản thông báo cho tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn, những tổ chức đấu giá tài sản không được thông báo được hiểu là không được lựa chọn và không hoàn trả hồ sơ.

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản được biết đăng ký tham gia theo quy định ./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, GDNN.



Thượng tá Nguyễn Thị Phương Lan

**BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Kèm theo Thông báo số: 669/GDNN ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học thuộc Học viện An ninh nhân dân)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của	4,0

	phiên đấu giá	
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: $Số\ điểm\ của\ C = (V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0

5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ-CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	3,0
1.	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản - Trong năm liền kề đã tổ chức đấu giá thành công từ 30 hợp đồng trở lên - Có từ tối thiểu 05 hợp đồng mức trúng đấu giá chênh lệch từ 50% trở lên	3,0
Tổng số điểm		95

DANH MỤC TÀI SẢN ĐẦU GIÁ
(Kèm theo Thông báo số: 669/GDNN ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Giáo
dục nghề nghiệp, đào tạo lái xe, ngoại ngữ, tin học thuộc Học viện An ninh nhân dân)

STT	Nhãn hiệu	Số Động cơ	Số khung	Giá khởi điểm	GHI CHÚ
1	DAIHATSU	0903585	S92V8701825	6.650.000	Bán phế liệu
2	DAIHATSU	0903596	S92V8701836	6.650.000	
3	DAIHATSU	0903588	S92V8701828	6.650.000	
4	DAIHATSU	0903591	S92V8701831	6.650.000	
5	DAIHATSU	0903595	S92V8701835	6.650.000	
6	DAIHATSU	0905539	S92V8702137	6.650.000	
7	DAIHATSU	0903587	S92V8701827	6.650.000	
8	DAIHATSU	0903589	S92V8701829	6.650.000	
9	DAIHATSU	0903593	S92V8701833	6.650.000	
10	DAIHATSU	0903594	S92V8701834	6.650.000	
11	DAIHATSU	0903583	S92V8701823	6.650.000	
12	DAIHATSU	0903584	S92V8701824	6.650.000	
13	DAIHATSU	0903586	S92V8701826	6.650.000	
14	DAIHATSU	0903590	S92V8701830	6.650.000	
15	DAIHATSU	0915095	S92V8702303	6.650.000	
16	DAIHATSU	0915096	S92V8702304	6.650.000	
17	DAIHATSU	0915108	S92V8702316	6.650.000	
18	DAIHATSU	0915107	S92V8702315	6.650.000	
19	DAIHATSU	0915102	S92V8702310	6.650.000	
20	DAIHATSU	0915094	S92V8702302	6.650.000	
21	DAIHATSU	0915109	S92V8702317	6.650.000	
22	DAIHATSU	0907132	S92V8702150	6.650.000	
23	DAIHATSU	0915098	S92V8702306	6.650.000	
24	DAIHATSU	0915097	S92V8702305	6.650.000	
25	DAIHATSU	0915902	S92V8702360	6.650.000	
26	DAIHATSU	0915886	S92V8702344	6.650.000	
27	DAIHATSU	0915885	S92V8702343	6.650.000	
28	DAIHATSU	0915890	S92V8702348	6.650.000	
29	DAIHATSU	0915900	S92V8702358	6.650.000	
30	DAIHATSU	0915889	S92V8702347	6.650.000	

STT	Nhãn hiệu	Số Động cơ	Số khung	Giá khởi điểm	GHI CHÚ
31	ISUZU	206923	R71R57100376	32.000.000	Bán đăng ký lại
32	ISUZU	093009	R71R47100165	32.000.000	
33	ISUZU	354533	R71R67100253	28.000.000	
34	ISUZU	269607	R71R57101021	28.000.000	
35	Lanos	15SMS432363B	VATMY5H08002	7.441.000	Bán phế liệu
36	Lanos	15SMS432518B	VATMY5H08013	7.441.000	
37	Lanos	15SMS432520B	VATMY5H08010	7.441.000	
38	Lanos	15SMS432355B	VATMY5H08007	7.441.000	
39	Lanos	15SM432347B	VVATM5H08011	7.441.000	
40	Honda	2809781	817986	10.000.000	Bán đăng ký lại
41	BMW	372-N46B20CA	78040PMM99395	35.000.000	
42	Madza	318288	000265	8.000.000	Bán phế liệu

Tổng cộng

412.705.000

Bằng chữ

Bốn trăm mười hai triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn đồng